

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 322/2021/DS-ST

Ngày: 30-12-2021

V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Châu Trinh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Phước Trinh

Bà Phạm Thị Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Hải Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 653/2020/TLST-DSST ngày 16 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp Hợp đồng vay tài sản theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 356/2021/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Hoài A, sinh năm 1939;

Địa chỉ: Số 6A, đường số 751, ấp Đ, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chỗ ở hiện nay: Ấp H, xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Trần Phi H, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Tổ 1, ấp T xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại phiên tòa nguyên đơn vắng mặt nhưng theo khởi kiện nộp ngày 05/8/2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và lời khai của nguyên đơn thể hiện: Ngày 12/11/2019 ông Trần Phi H có vay ông Trần Hoài A số tiền là

50.000.000 đồng không lãi suất trong thời hạn 05 tháng từ ngày 12/11/2019 đến ngày 12/4/2020, ông H có ký vào giấy mượn tiền không có công chứng, chứng thực và người làm chứng nhưng đến nay ông H vẫn không trả cho ông A bất cứ khoản tiền nào. Ông A yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Phi H phải trả lại cho ông số tiền là 50.000.000 đồng một lần ngay khi án phát sinh hiệu lực pháp luật, không yêu cầu ông H trả tiền lãi cho ông. Ông yêu cầu cá nhân ông H trả, không yêu cầu vợ ông H cùng chịu trách nhiệm với ông H trả nợ cho ông. Số tiền mà ông cho ông H vay là tiền riêng của ông, không liên quan đến người nào khác.

Bị đơn ông H trình bày: Khoảng tháng 10 năm 2019, ông H có nhận sửa chữa nhà cho ông A, ngày 31/10/2019 ông H có báo giá sửa chữa nhà cho ông A số tiền là 121.360.000 đồng (bảng báo giá không có chữ ký xác nhận của ông A), ông A có ứng trước cho ông H số tiền là 50.000.000 đồng. Sau đó ông H có yêu cầu ông A ứng thêm tiền để tiếp tục sửa chữa nhưng ông A nói là khi hoàn tất sẽ thanh toán hết, nên ngày 12/11/2019 ông có viết và ký vào giấy mượn tiền, đồng thời nhận của ông A số tiền là 50.000.000 đồng, cam kết trong thời hạn 05 tháng sẽ trả. Trong giấy mượn tiền thể hiện không có lãi suất nhưng thực tế ông có trả cho ông A số tiền lãi 2.000.000 đồng một tháng, trả được 03 tháng. Khi ông sửa chữa nhà cho ông A xong thì ông A có đưa cho ông số tiền là 20.000.000 đồng còn lại số tiền là 51.360.000 đồng, ông nghĩ trừ số tiền ông đã ký mượn của ông A (ông A không xác nhận là sẽ khấu trừ cho ông) nên ông không còn nợ ông A. Ông H xác định là đến thời điểm này ông chưa trả cho ông A số tiền 50.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 12/11/2019. Số tiền mà ông mượn của ông A là dùng vào việc riêng không liên quan đến vợ ông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi phát biểu quan điểm:

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử và thời gian chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát.

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

* Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Khắc phục về thời hạn chuẩn bị xét xử và thời gian chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát.

* Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), trả 01 lần ngay khi án phát sinh hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Củ Chi giải quyết buộc bị đơn trả tiền vay, đây là tranh chấp hợp đồng dân sự về việc vay tài sản được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bị đơn là ông Trần Phi H đang cư trú tại Tổ 1, ấp T xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn thừa nhận có vay tiền của nguyên đơn không có người làm chứng tại thời điểm vay tiền đồng thời quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa ông không yêu cầu Tòa án triệu tập người làm chứng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Nguyên đơn trên 80 tuổi có đơn xin vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về thời hiệu khởi kiện: Do các bên đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Ông A yêu cầu ông H trả số tiền vay 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), trả một lần ngay khi án phát sinh hiệu lực pháp luật.

Hội đồng xét xử xét giấy mượn tiền ngày 12/11/2019 thể hiện nội dung ông H có vay ông A số tiền là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), thời hạn vay 05 tháng, giấy mượn tiền có chữ ký xác nhận và ghi rõ họ tên Trần Phi H là người mượn tiền. Ông H cũng thừa nhận có vay ông A số tiền 50.000.000 đồng, có ký giấy mượn tiền. Ông A và ông H đều xác định đến thời điểm này ông H chưa trả cho ông A số tiền nợ là 50.000.000 đồng. Điều này chứng tỏ ông H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của ông A có cơ sở chấp nhận, phù hợp với đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi.

Xét về tiền lãi và lãi suất: Ông A không yêu cầu ông H trả tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xét. Bị đơn trình bày đã trả tiền lãi cho ông A 03 tháng tổng

số tiền là 6.000.000 đồng nhưng không có tài liệu gì cung cấp cho Tòa án chứng minh việc này cũng không yêu cầu giải quyết đối với số tiền lãi này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ông A không yêu cầu người khác cùng chịu trách nhiệm với ông H trả nợ cho ông nên Hội đồng xét xử không xét.

Ông A xác định số tiền cho ông H vay là tiền riêng của ông, không liên quan đến người khác nên Hội đồng xét xử không xét.

Đối với số tiền mà bị đơn trình bày nguyên đơn còn thiếu bị đơn số tiền là 51.360.000 đồng tiền công và vật tư sửa chữa nhà thì ông H sẽ kiện ở một vụ kiện khác, không yêu cầu trong vụ kiện này, hơn nữa vụ kiện này đã được kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và thông báo kết quả cho ông H nhưng không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, Điều 2 Luật người cao tuổi năm 2009: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Do nguyên đơn ông Trần Hoài A trên 60 tuổi nên Tòa án không thu tiền tạm ứng án phí vì vậy Hội đồng xét xử không xét tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 6, 7, 26, 30, 31, 32 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, Điều 2 Luật người cao tuổi năm 2009,

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Trần Hoài A:

Buộc ông Trần Phi H phải thanh toán cho ông Trần Hoài A số tiền là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

Thời gian và cách trả: Trả một lần ngay khi bản án phát sinh hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Phi H phải chịu tiền án phí là 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm ngàn đồng).

Ông Trần Hoài A là người cao tuổi không nộp tiền tạm ứng án phí nên không xem xét đến tiền tạm ứng án phí.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Thời hạn kháng cáo đối với bản án này là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND H. Củ Chi;
- Chi cục THA DS Củ Chi;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Châu Trinh